

# Giáo dục nghề nghiệp trên thế giới và những tham khảo cho Việt Nam

Phạm Thị Thoa

Email: vmtctxh87@gmail.com

Trường Cao đẳng Kon Tum

Số 14 Nguyễn Huệ Kon Tum, thành phố Kon Tum,

tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Giáo dục nghề nghiệp đã và đang thể hiện vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế và xã hội của tất cả các quốc gia trên thế giới. Việc đầu tư vào giáo dục nghề nghiệp không chỉ là một chiến lược kinh tế mà còn là bước quan trọng để tạo ra một lực lượng có tri thức và kỹ năng, góp phần vào sự phát triển toàn diện của quốc gia. Bài viết tập trung vào khám phá mô hình giáo dục nghề nghiệp trên toàn cầu và đề xuất những tham khảo và áp dụng cho Việt Nam. Nội dung bao gồm phân tích các mô hình ở các quốc gia tiên tiến, những thành công và thách thức của họ cũng như những cơ hội, thách thức và đề xuất cách áp dụng những yếu tố thành công từ các mô hình quốc tế để cải thiện chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam.

**TỪ KHÓA:** Giáo dục nghề nghiệp, mô hình, chất lượng, hiệu quả, Việt Nam.

→ Nhận bài 26/4/2024 → Nhận bài đã chỉnh sửa 07/6/2024 → Duyệt đăng 20/8/2024.

**DOI:** <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410817>

## 1. Đặt vấn đề

Giáo dục nghề nghiệp không chỉ là công cụ đào tạo nguồn nhân lực cho thị trường lao động mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền kinh tế bền vững và xã hội phồn thịnh. Việc đầu tư vào giáo dục nghề nghiệp không chỉ là một chiến lược kinh tế mà còn là bước quan trọng để tạo ra một lực lượng có tri thức và kỹ năng, góp phần vào sự phát triển toàn diện của quốc gia [1]. Trước hết, những đóng góp vào phát triển kinh tế gồm: Giáo dục nghề nghiệp giúp đào tạo ra nguồn lao động có kỹ năng từ cơ bản đến chuyên nghiệp, sẵn sàng tham gia vào tất cả các ngành nghề, đáp ứng nhanh chóng với yêu cầu của thị trường lao động, không ngừng tạo ra của cải vật chất, các giá trị tăng thêm cho xã hội. Cùng với việc khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới, đào tạo nghề nghiệp sẽ gián tiếp giúp tăng cường sức cạnh tranh của doanh nghiệp và quốc gia. Nội dung thứ hai mà giáo dục nghề nghiệp mang lại là mở rộng cơ hội học nghề cho mọi tầng lớp xã hội, giúp giảm bất bình đẳng và nâng cao chất lượng cuộc sống. Đào tạo nghề nghiệp giúp giảm tỉ lệ thất nghiệp bằng cách cung cấp kỹ năng và hiểu biết cần thiết để mỗi người không chỉ tham gia mà còn có khả năng tự tạo việc làm. Tiếp theo là tạo điều kiện cho người học chủ động học tập, nâng cao kỹ năng và kiến thức, từ đó thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp và công nghệ. Đặc biệt là việc thích ứng với những thách thức mới từ công nghiệp 4.0, sẵn sàng đối mặt với các công nghệ mới và thúc đẩy sự đổi mới trong sản xuất và dịch vụ.

Mục tiêu nghiên cứu về mô hình giáo dục nghề nghiệp trên thế giới sẽ tập trung vào việc so sánh mô hình giáo dục nghề nghiệp ở Châu Âu như tìm hiểu về cấu trúc,

chất lượng và thành công của hệ thống giáo dục nghề nghiệp để rút ra những bài học và áp dụng cho Việt Nam. Trong bài viết này, tác giả sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu để phân tích và đánh giá hệ thống giáo dục nghề nghiệp trên thế giới, từ đó rút ra những bài học áp dụng cho Việt Nam, bao gồm: phân tích các tài liệu, báo cáo, bài viết học thuật, tài liệu từ các tổ chức giáo dục và báo cáo chính phủ liên quan đến giáo dục nghề nghiệp ở các quốc gia khác nhau. Tìm hiểu và so sánh các mô hình giáo dục nghề nghiệp ở Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản, từ đó rút ra những điểm mạnh và yếu. Phân tích các yếu tố cấu trúc, chất lượng và thành công của hệ thống giáo dục nghề nghiệp qua các tài liệu và báo cáo. Phân tích chi tiết một số trường hợp điển hình trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp của các quốc gia như Đức, Mỹ, Nhật Bản để hiểu rõ hơn về cách thức triển khai và quản lý.

Từ những mô hình nói trên, tác giả tiến hành phân tích những hạn chế và vấn đề trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp hiện nay ở Việt Nam. Phân tích ảnh hưởng của xu hướng công nghiệp 4.0: nghiên cứu các mô hình giáo dục nghề nghiệp có thể thích ứng và phản ánh xu hướng công nghiệp 4.0 với mục tiêu tạo ra nhân sự có kỹ năng phù hợp.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Mô hình giáo dục nghề nghiệp trên thế giới

#### 2.1.1. Mô hình giáo dục chuyên sâu và linh hoạt ở Châu Âu

Mô hình giáo dục ở Châu Âu thường xây dựng theo hệ thống đa cấp độ, bao gồm các cấp độ giáo dục từ trung học đến đại học và các trung tâm đào tạo nghề nghiệp. Mô hình này tập trung vào việc đảm bảo chất

lượng và uy tín trong quá trình giáo dục với sự đánh giá nghiêm ngặt và chuẩn mực cao.

Hệ thống giáo dục ở Châu Âu thường cung cấp nhiều chuyên ngành và ngành nghề để người học chọn lựa theo sở thích, nhu cầu của mình. Ở đây, học viên thường được đào tạo chuyên sâu vào lĩnh vực mong muốn, phát triển kỹ năng chuyên môn cao và sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động đặc biệt là ở những lĩnh vực đòi hỏi kỹ thuật phức tạp [2].

Đặc điểm chung ở các quốc gia này là việc sử dụng hệ thống tín chỉ, cho phép người học linh hoạt trong việc chọn môn, chương trình học và thậm chí là thời gian học tập. Đồng thời, mô hình này thường kết hợp giáo dục lý thuyết với kinh nghiệm thực tế thông qua các chương trình thực tập, giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào thực tế và phát triển kỹ năng làm việc.

Mô hình giáo dục chuyên sâu và linh hoạt ở Châu Âu thường có các dịch vụ tư vấn nghề nghiệp chuyên nghiệp để hỗ trợ người học trong việc lựa chọn ngành nghề và phát triển sự nghiệp, cung cấp hỗ trợ tài chính cho sinh viên thông qua các học bổng và chương trình hỗ trợ học phí.

Một nội dung khác cũng được đánh giá rất cao là mô hình này thường xây dựng mối liên kết mạnh mẽ giữa các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp để đảm bảo rằng chương trình đào tạo phản ánh đúng nhu cầu của thị trường lao động, sát với thực tế sản xuất và sự phát triển của công nghệ. Sinh viên thường có cơ hội thực tập và thực hành trong các doanh nghiệp liên kết với trường, giúp họ áp dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào môi trường thực tế. Do đó, hầu hết đều có rất nhiều cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

Các mô hình trong hệ thống giáo dục ở Châu Âu thường đặc biệt chú trọng vào việc đào tạo kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề [3]. Khuyến khích việc học ngoại ngữ để mở rộng cơ hội nghề nghiệp toàn cầu. Ngoài ra, sinh viên có cơ hội nâng cao trình độ học vấn và phát triển sự nghiệp qua việc chuyển đổi giữa các cấp độ học vấn một cách linh hoạt. Yếu tố nổi bật cuối cùng là việc kiểm định và đánh giá thường xuyên để đảm bảo chất lượng giáo dục, đáp ứng đúng với yêu cầu của thị trường lao động.

### 2.1.2. Hệ thống đào tạo nghề nghiệp tích hợp với doanh nghiệp ở Mỹ

Hệ thống đào tạo nghề nghiệp tích hợp với doanh nghiệp ở Mỹ có một số đặc điểm sau: Có mối liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và cập nhật chương trình học; Doanh nghiệp được mời tham gia vào việc thiết kế chương trình đào tạo, cung cấp nguồn tài trợ, và thậm chí cung cấp giáo viên hoặc giảng viên (với tư cách đối tác); Doanh nghiệp đóng vai trò quan

trọng trong việc cung cấp thông tin về xu hướng mới, công nghệ mới, kỹ năng cần thiết cho người lao động; Tham gia vào việc đánh giá, đề xuất các cải tiến để chương trình đào tạo nhanh và linh hoạt hơn [4].

*Chương trình học thích ứng:* Hệ thống này thường có chương trình học linh hoạt, được điều chỉnh, cập nhật nhanh chóng và tập trung vào việc cung cấp các chương trình ngắn hạn như chứng chỉ và chứng chỉ chuyên nghiệp để nhanh chóng gia nhập vào thị trường lao động.

*Cơ hội thực tập đa dạng:* Hệ thống này thường tạo cơ hội thực tập đa dạng cho sinh viên, giúp họ áp dụng kiến thức học được vào môi trường làm việc thực tế. Doanh nghiệp chủ động hỗ trợ sinh viên thực tập bằng cách cung cấp hướng dẫn, cơ hội học hỏi và tạo ra mối quan hệ làm việc lâu dài.

Hệ thống đào tạo nghề nghiệp tích hợp ở Mỹ cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nghề nghiệp như tư vấn nghề nghiệp, chuẩn bị hồ sơ xin việc và các sự kiện liên quan đến việc tìm kiếm việc làm. Trong đó, doanh nghiệp thường là thành viên quan trọng của các mạng lưới quan hệ, cung cấp cơ hội gặp gỡ và kết nối cho sinh viên.

*Sự đánh giá liên tục:* Hệ thống thường xuyên đánh giá và theo dõi hiệu suất của sinh viên, từ đó cung cấp phản hồi cho doanh nghiệp và trường học để cải thiện chất lượng đào tạo.

*Đánh giá sự hài lòng của doanh nghiệp:* Sự hài lòng của doanh nghiệp với người lao động được đào tạo là một phần quan trọng của quá trình đánh giá và cải thiện.

Như vậy, có thể thấy rằng, ở Mỹ, hệ thống đào tạo nghề nghiệp tích hợp với doanh nghiệp thường xuyên tập trung vào việc tối ưu hóa sự kết hợp giữa kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực tế. Mối quan hệ chặt chẽ giữa doanh nghiệp và trường học giúp đảm bảo người học nhanh chóng và tự tin chuyển đổi từ giáo dục sang thị trường lao động, tạo ra lợi ích đôi bên cho cả sinh viên và doanh nghiệp.

### 2.1.3. Những thành công của mô hình đào tạo nghề nghiệp ở Nhật Bản

Hệ thống đào tạo nghề nghiệp ở Nhật Bản nổi tiếng với chất lượng cao, cung cấp kiến thức chuyên sâu và kỹ năng thực hành đồng thời đảm bảo sự linh hoạt và thích nghi với nhu cầu thị trường lao động. Sinh viên thường có hiệu suất học tập và thành công trong sự nghiệp cao do chương trình đào tạo được thiết kế để đáp ứng đầy đủ yêu cầu của ngành công nghiệp.

Mô hình đào tạo nghề nghiệp ở Nhật Bản tập trung vào sự hợp tác chặt chẽ giữa trường học và doanh nghiệp. Doanh nghiệp thường đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chương trình học và đảm bảo rằng nội dung đào tạo phản ánh thực tế ngành công nghiệp. Đồng thời, sinh viên được thực tập và làm việc thực tế

trong các doanh nghiệp, giúp họ có trải nghiệm thực tế và nắm bắt được yêu cầu của thị trường lao động [5].

Đề phản ánh sự đa dạng của ngành Công nghiệp và nhu cầu của người lao động, hệ thống này cung cấp nhiều chương trình đào tạo đa dạng, liên tục: từ kỹ thuật, công nghệ đến nghệ thuật và dịch vụ, cung cấp cơ hội cho người lao động duy trì và nâng cao kỹ năng theo thời gian. Sinh viên có cơ hội lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với kỹ năng và sở thích cá nhân, giúp họ tìm ra hướng đi nghề nghiệp phù hợp. Ngoài kiến thức chuyên môn, sinh viên được khuyến khích phát triển kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm và quản lý thời gian, giúp họ trở thành những người lao động toàn diện.

Đối với chính sách hỗ trợ nghề nghiệp: Nhật Bản thường áp dụng các chính sách hỗ trợ nghề nghiệp như học bổng, hỗ trợ tài chính và các chương trình hỗ trợ việc làm cho sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nghề nghiệp. Điểm nổi bật trong mô hình ở Nhật Bản là khuyến khích tư duy sáng tạo và thực hiện các dự án nghiên cứu, giúp họ có khả năng giải quyết vấn đề và đối mặt với thách thức trong công việc.

## 2.2. Những thách thức và cơ hội cho giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam

Giáo dục nghề nghiệp là một bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, được thực hiện theo hai hình thức là đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên [6].

Mô hình giáo dục nghề nghiệp được hiểu là hệ thống tổ chức, cấu trúc các chương trình đào tạo nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp chuẩn bị cho người học tham gia vào thị trường lao động

Tại Việt Nam, mô hình giáo dục nghề nghiệp được cụ thể thành: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trung tâm giáo dục nghề nghiệp; trường trung cấp; trường cao đẳng); Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tổ chức theo các loại hình như: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc sở hữu Nhà nước, do Nhà nước đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc sở hữu của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân hoặc cá nhân, do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân hoặc cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gồm cơ sở giáo dục nghề nghiệp 100% vốn của nhà đầu tư nước ngoài; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài [6].

### 2.2.1. Thách thức của hệ thống giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam

Trong những năm qua, giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, tăng sức cạnh tranh quốc gia. Tuy vậy, tiềm năng cần khai thác và khai thác sâu còn rất lớn, đặc biệt Việt Nam đang ở vào giai đoạn dân số “vàng” và đang chứng kiến sự tiến bộ vượt bậc của khoa học, công nghệ. Để phát huy lợi thế về nguồn lực con người, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp cần giải quyết một số thách thức sau:

- Thiếu kết nối chặt chẽ với thị trường lao động: Thiếu sự kết nối chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp là một thách thức lớn, dẫn đến việc nội dung, chương trình đào tạo phản ánh chưa thực sự chính xác nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

- Thiếu sự linh hoạt và đa dạng trong chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo bị ràng buộc bởi cấu trúc cố định, không linh hoạt với nhu cầu và thay đổi của thị trường lao động. Không theo kịp xu hướng phát triển của những ngành, nghề mới, nhất là những ngành nghề hàm lượng công nghệ cao.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị thiếu và không đồng bộ: Nhiều trường nghề hiện nay đang phải đối mặt với thiếu việc cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy hiện đại. Một số không đủ so với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu, thậm chí là việc hướng dẫn thực hành trên những máy móc, thiết bị đã trở nên lạc hậu quá xa so với thực tiễn cuộc sống. Trong khi đó, nguồn lực đầu tư có hạn, ràng buộc bởi cơ chế, phức tạp trong thủ tục... hiện đang là rào cản lớn đối với các cơ sở đào tạo.

- Sự phát triển nhanh của khoa học kỹ thuật, công nghệ, ngành nghề mới đặt ra những thách thức đối với nhiều giáo viên về kỹ năng chuyên môn và kỹ năng giảng dạy [7]. Một số cơ sở vẫn còn tình trạng thừa, thiếu cục bộ, đội ngũ hiện có chưa được chuẩn hóa.

- Hiện nay, mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn bất cập, quy mô tuyển sinh đào tạo còn thấp, cơ cấu ngành nghề đào tạo còn bất hợp lý [7]. Một số địa phương chưa coi trọng công tác quy hoạch phát triển nhà trường, còn tình trạng chạy theo số lượng, ít các trường chất lượng cao, quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho thực tiễn. Hiện nay, một số trường đại học ngoài công lập vẫn tổ chức các trung tâm và các hệ trung cấp, cao đẳng thực hiện chức năng đào tạo nghề, dẫn đến những khó khăn, bất cập trong quản lý nhà nước, phối hợp, phân cấp, phân quyền giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

### 2.2.2. Cơ hội từ xu hướng công nghiệp 4.0 đối với giáo dục nghề nghiệp

- *Đào tạo kỹ năng công nghệ cao*: Nội dung này yêu cầu các cơ sở đào tạo phải xây dựng được chương trình đào tạo linh hoạt và đáp ứng nhanh chóng với những kỹ năng mới cần thiết do sự phát triển của công nghiệp 4.0.

- *Sự xuất hiện của các ngành nghề mới*: Công nghiệp 4.0 mang lại cơ hội cho việc xuất hiện các ngành nghề mới như IOT, trí tuệ nhân tạo, big data... Đây được xem là những cơ hội có tính dư địa lớn để các trường phát triển đa dạng ngành, nghề đào tạo, chuyển đổi từ các ngành nghề “truyền thống” sang đào tạo các ngành nghề mà xã hội thực sự có nhu cầu [7]. Nếu đáp ứng tốt nhu cầu của thực tiễn thì lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sẽ khẳng định thêm vai trò của mình trong việc cung cấp nguồn nhân lực cho xã hội.

- *Hệ thống đào tạo ứng dụng công nghệ mới*: Công nghiệp 4.0 mang lại cơ hội để ngành đào tạo sử dụng công nghệ mới trong quá trình giảng dạy, bao gồm việc áp dụng ứng dụng di động, học trực tuyến và mô phỏng thực tế ảo để cải thiện trải nghiệm học tập. Đồng thời, công nghệ mới cũng cho phép phát triển các mô hình học tập linh hoạt, cho phép học viên tự chủ hơn trong việc quản lý thời gian học tập và sử dụng không gian học tập.

- *Chương trình đào tạo đa ngành*: Các chương trình đào tạo nghề nghiệp có thể tạo ra cơ hội cho sinh viên học đa ngành để phản ánh sự kết hợp giữa các lĩnh vực như kỹ thuật, kinh doanh và sáng tạo.

Bên cạnh những cơ hội từ xu hướng công nghiệp 4.0 tạo ra thì hệ thống cơ chế, chính sách trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp cơ bản đang được hoàn thiện đi vào thực tiễn. Theo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Luật Giáo dục nghề nghiệp cũng như các văn bản hướng dẫn Luật Giáo dục nghề nghiệp và các quy định có liên quan đến nay đã được ban hành, đảm bảo đủ cơ sở pháp lý để Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, cơ quan quản lý các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước thực hiện quản lý mục tiêu, chương trình, kế hoạch, chất lượng đào tạo.

Quốc hội đã thông qua Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, trong đó giao Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp. Cụ thể, đã nêu về các chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục nghề nghiệp như sau [6]:

- Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp mở, linh hoạt, đa dạng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân

chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp và liên thông với các trình độ đào tạo khác.

- Đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp được ưu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nhân lực. Ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp được ưu tiên trong tổng chi ngân sách nhà nước dành cho giáo dục, đào tạo; được phân bổ theo nguyên tắc công khai, minh bạch, kịp thời.

- Đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy hoạch; tập trung đầu tư hình thành một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trọng điểm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, nhu cầu học tập của người lao động và từng bước phổ cập nghề cho thanh niên.

- Nhà nước có chính sách phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

- Ưu tiên đầu tư đồng bộ cho đào tạo nhân lực thuộc các ngành, nghề trọng điểm quốc gia, các ngành, nghề tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực, quốc tế; chú trọng phát triển giáo dục nghề nghiệp ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng ven biển; đầu tư đào tạo các nghề thị trường lao động có nhu cầu nhưng khó thực hiện xã hội hóa.

- Nhà nước thực hiện cơ chế đầu thầu, đặt hàng đào tạo đối với những ngành, nghề đặc thù; những ngành, nghề thuộc các ngành kinh tế mũi nhọn; những ngành, nghề thị trường lao động có nhu cầu nhưng khó thực hiện xã hội hóa. Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp không phân biệt loại hình đều được tham gia cơ chế đầu thầu, đặt hàng quy định tại khoản này.

- Hỗ trợ các đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, quân nhân xuất ngũ, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, ngư dân đánh bắt xa bờ, lao động nông thôn là người trực tiếp lao động trong các hộ sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất canh tác và các đối tượng chính sách xã hội khác nhằm tạo cơ hội cho họ được học tập để tìm việc làm, tự tạo việc làm, lập thân, lập nghiệp; thực hiện bình đẳng giới trong giáo dục nghề nghiệp.

- Nhà nước tạo điều kiện cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Các chương trình hành động, chương trình mục tiêu, đề án, dự án, kế hoạch, cơ chế chính sách được cụ thể hóa từ Luật Giáo dục nghề nghiệp đã được các bộ, ngành và địa phương triển khai có hiệu quả đem lại

lợi ích thực sự cho người học và ngày càng khẳng định được vị trí, vai trò của công tác đào tạo nghề nghiệp đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đã trình Ban Cán sự Đảng Bộ ban hành Nghị quyết số 617-NQ/BCSD ngày 28 tháng 12 năm 2018 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030. Đến nay, về cơ bản các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến giáo dục nghề nghiệp đã được thể chế hóa và được cụ thể trong các văn bản hướng dẫn thực hiện.

### 2.3. Kinh nghiệm quốc tế và những tham khảo cho hệ thống giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam

Từ thành công của các mô hình đang áp dụng tại Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, chúng ta rút ra một số điểm chung có thể tham khảo cho hệ thống giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam như sau:

*Thứ nhất*, xây dựng mối liên kết chặt chẽ, vững chắc giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp để đảm bảo rằng chương trình đào tạo phản ánh chính xác yêu cầu của thị trường lao động ở Việt Nam. Qua đó, cần phát triển những chương trình đào tạo đa dạng, linh hoạt để đáp ứng nhu cầu của nhiều ngành nghề, phản ánh đúng và trúng của thị trường lao động.

*Thứ hai*, tăng cường các hoạt động hỗ trợ nghề nghiệp và tư vấn cho người học về những yêu cầu, xu hướng của thị trường, giúp họ chuẩn bị và xây dựng kế hoạch nghề nghiệp trong tương lai một cách phù hợp và khả thi nhất. Chú trọng vào kỹ năng mềm như tư duy sáng tạo, làm việc nhóm và giao tiếp để người học trở thành người lao động toàn diện.

*Thứ ba*, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, nâng cao chất lượng của đội ngũ nhà giáo. Đầu tư cơ sở vật chất bao gồm việc đầu tư vào phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng máy tính, hệ thống thực hành và mô phỏng, công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo và các thiết bị hiện đại để đảm bảo sinh viên có môi trường học tập chất lượng và phản ánh thực tế của ngành nghề. Ưu tiên phát triển các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và tạo điều kiện cho giáo viên tham gia vào các dự án nghiên cứu và phát triển chuyên ngành để đảm bảo nhà giáo phải cập nhật với những xu hướng

công nghiệp mới. Khuyến khích tổ chức các chương trình mentoring giữa giáo viên mới và giáo viên có kinh nghiệm để chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm, từ đó nâng cao năng lực giảng dạy và quản lý.

*Thứ tư*, biết khai thác và tận dụng tối đa công nghệ. Kết hợp công nghệ mới như học trực tuyến, mô phỏng thực tế ảo và ứng dụng di động để nâng cao trải nghiệm học tập và phát triển kỹ năng. Thường xuyên học hỏi cách các nước phát triển tích hợp công nghệ và học trực tuyến vào quy trình giảng dạy [7].

*Thứ năm*, thiết lập mô hình đánh giá liên tục để theo dõi và đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo, cũng như để đáp ứng nhanh chóng với phản hồi từ sinh viên và doanh nghiệp.

*Thứ sáu*, xây dựng mới các chính sách: phát triển các dự án và chương trình hỗ trợ nghề nghiệp cho người học, giúp họ có thêm nguồn lực và cơ hội nghề nghiệp. Phát triển các loại hình hỗ trợ về tài chính và học bổng để tăng cơ hội tiếp cận đào tạo chất lượng, nhất là các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn. Ngoài chính sách của Chính phủ, các địa phương cần có thêm các hình thức hỗ trợ khác nhằm khuyến khích học sinh tham gia nhiều hơn vào lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

*Cuối cùng*, tạo dựng môi trường học tập khuyến khích sự sáng tạo, đổi mới và học hỏi chủ động từ phía sinh viên. Chương trình học cũng cần hướng đến việc cá nhân hóa, giúp người học phát triển theo nhu cầu và tố chất cá nhân.

### 3. Kết luận

Việc áp dụng các yếu tố thành công từ hệ thống giáo dục nghề nghiệp trên thế giới đòi hỏi sự linh hoạt và điều chỉnh phù hợp với bối cảnh và đặc điểm của Việt Nam. Trong đó, nổi bật là những nội dung như: nhấn mạnh vào sự hợp tác giữa giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, chú trọng vào kỹ năng mềm và kỹ năng công nghệ cũng như sử dụng công nghệ trong quá trình đào tạo; chương trình đào tạo linh hoạt và đa dạng đảm bảo giáo dục nghề nghiệp có thể đáp ứng linh hoạt và hiệu quả với nhu cầu thị trường lao động đang thay đổi nhanh chóng... Đây là chìa khóa quan trọng để nâng cao chất lượng của giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam, (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [2] Olena, (2016), *Educational Model of a Modern Student: European Scope*, Journal of Vasyl Stefanyk Precarpathian National University 3.2-3, p.9-14.
- [3] European Commission, (2019), *Education and Training Monitor 2019*. Luxembourg: Publications Office of the European Union, p.22.
- [4] Brown, Clair, and Michael Reich, (1997), *Developing skills and pay through career ladders: Lessons from Japanese and US companies*, California Management Review 39.2, p.124-144.
- [5] Sawai, Minoru, (2020), *Vocational Training and*

*Vocational Education in Postwar Japan: An Overview*,  
Japanese Research in Business History 37, p.1-10.

- [6] Quốc hội, (2019), *Luật Giáo dục Nghề nghiệp*.  
[7] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, (2016), *Nâng cao chất lượng dạy nghề đáp ứng yêu cầu của thị trường lao*

*động và hội nhập quốc tế*, Báo cáo đề dẫn Hội thảo khoa học.

- [8] Nguyễn Quốc Tuấn, (2023), *Xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông minh trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0*, Tạp chí Tài chính, tr.158-161.

## VOCATIONAL EDUCATION WORLDWIDE AND REFERENCES TO VIETNAM

### Phạm Thị Thoa

Email: vmtcthx87@gmail.com  
Kon Tum College  
No.14 Nguy Nhu Kon Tum street, Kon Tum city,  
Kon Tum province, Vietnam

**ABSTRACT:** *Vocational education has played a crucial role in developing the economy and society of all countries worldwide. Investing in vocational education is not only an economic strategy but also an important step that aims to grow a knowledgeable and skilled labor force, contributing to comprehensive national development. This article explores vocational education models globally and suggests references and applications for Vietnam. The research focuses on analyzing models in advanced countries, their successes and challenges, Vietnam's opportunities and challenges, and proposed approaches to applying successful factors from international models to enhance the quality and effectiveness of vocational education in Vietnam.*

**KEYWORDS:** Vocational education, model, quality, effectiveness, Vietnam.